TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 21/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 27- 02- 2018
Về việc " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà VÕ THỊ MỸ NGỌC

2. Bà NGUYỄN THỊ YẾN XUÂN

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên toà: (không tham gia).

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 407/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp " ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXX-STHNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lý Thụy Thanh T, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú tại nhà số 92 đường số 28, tiểu khu 1, phường Bình Trị Đông B, quận Bình T, Thành Phố HCM.

Nơi tạm trú số 289 ấp cầu Xáng, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- B**ị đơn: Lê Duy K,** sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: cư trú tại nhà số 342, ấp Tân Phú, xã Tân Hòa, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn Lý Thụy Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K và giải quyết về con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ tài sản đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyễn đơn Lý Thụy Thanh T trình bày: Bà T và ông K quen biết nhau do được làm mai, tìm hiểu nhau được 05 tháng thì đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, thành phố Vĩnh L. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẩn. Ông K không chung sức với bà T cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, thường đi chơi, uống rượu. Khi được góp ý xây dựng thì đánh đập bà T, gia đình cha mẹ hai bên đều biết và đồng ý kiến cho bà T quyền quyết định cuộc sống hôn nhân. Hiện tại vợ chồng đã ly thân

nhau khoản 06 tháng, hiện ông K vẫn sinh sống tại thành phố Vĩnh L, không có việc làm. Bà T sinh sống ở Hậu Giang và công tác tại Công ty sơn, có mức thu nhập lương trung bình 10.000.000 đồng /tháng. Nay tình cảm không còn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

Về con chung, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, họ tên là Lê Duy A, sinh ngày 22/4/2006 và Lê Duy P, sinh ngày 06/02/2011, theo lời khai nguyện vọng của các con, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ tài sản, bà T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Bị đơn Lê Duy K đã được tống đạt các văn bản tố tụng, nhận hợp lệ ngày 07/11/2017 và ngày 14/12/2017 gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 23/11/2017 và ngày 04/01/2018 nhưng vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2018 và không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. Bà T khai, vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2012 chỉ là những lời cải vã nhau, đến năm 2015 thì sự bất hòa có thêm những hành động đánh đập, đến khoản tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng ly thân nhau. Trong khoản thời gian ly thân, ông K không có liên lạc quan tâm thăm hỏi con chung. Nay bà T xác định không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, yêu cầu được ly hôn với ông K. Về con chung, do các con có nguyện vọng được bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi hai con. Tài sản chung và nợ tài sản không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt ông K, Tòa án đã được tống đạt các văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 10/01/2018 và ngày 05/02/2018 để ông K tham gia phiên tòa lần nhất ngày 30/01/2018 và phiên tòa sơ thẩm ngày 27/02/2018 nhưng ông K vắng mặt, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là ly hôn và con chung. Bị đơn có nơi cư trú thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Ông K đã được tống đạt các văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm nhưng ông K vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt đối với ông K.

[2].Về nội dung: Theo giấy chứng nhận kết hôn thì nơi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Như vậy, hôn nhân bà T, ông K đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn ngày 21/02/2006.

- Xét nguyên nhân ly hôn là do đôi bên không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng phát triển kinh tế gia đình, cùng trách nhiệm chăm sóc giáo dục con chung. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Đối với ông K đã được Tòa án đã tống đạt để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K mặt không lý do và cũng không có văn bản phản hồi thông báo thụ lý vụ án nên ông K phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung Lê Duy A, sinh ngày 22/4/2006 và Lê Duy P, sinh ngày 06/02/2011. Từ khi ly thân, bà T tiếp tục nuôi hai con, đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì cả hai con đều đủ 07 tuổi và có cùng nguyện vọng được mẹ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, bà T có thu nhập lương và có nơi ở ổn định nên bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con là hợp lí. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi hai con nên ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp qui định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T và ông K phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: " Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

- Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Lý Thụy Thanh T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số $N^0$0002972 ngày 19/9/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Lý Thụy Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Lê Duy K không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Thụy Thanh T và ông Lê Duy K.

2.Về con chung: Giao con chung Lê Duy A, sinh ngày 22/4/2006 và Lê Duy P, sinh ngày 06/02/2011 cho bà Lý Thụy Thanh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thụy Thanh T, không yêu cầu ông Lê Duy K cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Bà T và ông K phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Cha, Mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; Cha, Mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3.Về tài sản chung, nợ tài sản: Bà T không yêu cầuTòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Lý Thụy Thanh T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số $N^0$0002972 ngày của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Lý Thụy Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Lê Duy K không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đương sự có mặt được tính từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS cùng cấp;
- T.H.A cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án

NGUYỄN THU THỦY